

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ X
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 347/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 12 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ X, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ X, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ X; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị X, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn P, xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần X H, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn 3, xã T1, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 8 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Trần Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần X H qua tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục, làm đăng ký kết hôn tại UBND xã T1 vào ngày 21/5/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với bố mẹ đẻ

anh H tại thôn 3, xã T1, nhưng tình cảm giữa vợ chồng không có hạnh phúc, mà thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung trong mọi việc, sinh hoạt cũng như công việc của hai bên vợ chồng, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Từ đầu năm 2022 chị đi làm ăn xa, thi thoảng về thăm con, còn giữa vợ chồng đã không còn qua lại, quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị X xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Minh K, sinh ngày 27/5/2019. Quan điểm của chị X là vì hiện tại con đang ở cùng với anh H và ông bà nội (bố mẹ đẻ anh H), nên chị đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết để anh H được quyền trực tiếp nuôi con, chị xin tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh H mỗi tháng là 2.000.000đ, cho đến khi con trưởng thành. Nếu anh H không nuôi con, thì chị xin được trực tiếp nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Chị X xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 10 năm 2022, bị đơn là anh Trần X H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị X tự nguyện tìm hiểu, lấy nhau có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và đăng ký kết hôn vào ngày 21/5/2018 tại UBND xã T1. Trong quá trình chung sống vợ chồng đi làm ăn ở xa, anh làm xưởng sửa chữa ô tô, còn chị X đi làm ở Hải Phòng, một thời gian thì về chung sống với anh. Vợ chồng chung sống hòa thuận tới cuối năm 2021 thì có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong sinh hoạt, chị X không thông cảm với công việc sửa chữa ô tô của anh, nên giữa vợ chồng xảy ra cãi vã. Từ đầu năm 2022 chị X đi làm và không về nhà, thì vợ chồng đã không còn qua lại, tình cảm với nhau nữa. Nay chị X yêu cầu ly hôn, quan điểm của anh là mâu thuẫn giữa vợ chồng không có gì lớn, nên anh không muốn ly hôn. Nếu chị X vẫn đòi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Anh H xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Minh K, sinh ngày 27/5/2019, hiện đang ở cùng với anh và ông bà nội (bố mẹ đẻ anh H). Quan điểm anh H là, nếu Tòa giải quyết ly hôn thì anh xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Anh H xác định không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 01/12/2022, đại diện Ủy ban nhân xã T1 cho biết: Chị Trần Thị X và anh Trần X H có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã T1 vào ngày 21/5/2018; Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Minh K, sinh ngày 27/5/2019, hiện đang ở cùng anh và bố mẹ đẻ anh H. Quá trình chung sống giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn thế nào, gia đình không báo cáo nên địa phương không nắm bắt được.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị X, xử cho chị Trần Thị X được ly hôn với anh Trần X H.

Về con chung: Đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên giao con chung là cháu Trần Ngọc Minh K, sinh ngày 27/5/2019 cho anh Trần X H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Chị Trần Thị X cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ. Chị Trần Thị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị X phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị X khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Trần X H, cư trú tại: Thôn 3, xã T1, huyện Thọ X, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ X.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Trần X H vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị X và anh Trần X H tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã T1 cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/5/2018, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh H là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống từ năm 2021 tình cảm giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình và công việc của hai bên vợ chồng; giữa vợ chồng đã **không còn có sự tin tưởng, tôn trọng và chia sẻ với nhau**, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã,

xúc phạm lẫn nhau. Từ đầu năm 2022 mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trở nên trầm trọng, chị X đi làm ăn xa thì giữa vợ chồng đã không còn qua lại, quan tâm đến nhau. Nay chị X vẫn một mực đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn; Anh H có ý kiến không đồng ý ly hôn, nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải không có lý do, tại phiên tòa hôm nay cũng vắng mặt, điều đó thể hiện anh H không thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị X, xử cho chị Trần Thị X được ly hôn với anh Trần X H.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị X và anh Trần X H đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Minh K, sinh ngày 27/5/2019.

Xét, quá trình giải quyết vụ án anh H có ý kiến xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng; Tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị X có ý kiến đồng ý để anh H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị xin được tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ cho đến khi con trưởng thành. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần thiết giao con chung cho anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị X là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Trần Thị X và anh Trần X H đều xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị Trần Thị X được ly hôn với anh Trần X H.

2. *Về con chung:* Chị Trần Thị X và anh Trần X H có 01 (một) con chung là

cháu Trần Ngọc Minh K, sinh ngày 27/5/2019.

Giao con chung là cháu Trần Ngọc Minh K cho anh Trần X H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Trần Thị X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) kể từ tháng 01 năm 2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Trần Thị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ*: Không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị Trần Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, tổng cộng là 600.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị X đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0014422 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ X. Như vậy chị Trần Thị X còn phải nộp thêm 300.000 đồng tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ X;
- Chi cục THADS huyện Thọ X;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến